



**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG
VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIÊM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIÊM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599 và lần thứ 14 ngày 18 tháng 10 năm 2013 về việc tăng vốn điều lệ lên 397.591.180.000 đồng.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu theo Quyết định 98/2012/QĐ-SGDHCM ngày 18/7/2012 của Sở giao dịch TP Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT
	Ông Hà Thế Phương	Phó chủ tịch HĐQT
	Ông Hà Thế Lộn	Ủy viên
	Ông Trần Trọng Thắng	Ủy viên
	Ông Hà Cửu Long	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phạm Việt Khoa	Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Trần Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Luyện	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

an Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Việt Khoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Số: 86 /2014/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013

của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm FECON

Kính gửi:**Các cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm FECON**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm FECON, *được lập ngày 22/02/2014, từ trang 05 đến trang 32*, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 18 tháng 02 năm 2013 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Ngọc Án

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Đinh Văn Thắng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2013-075-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100	1.167.991.808.933	717.872.974.814
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	360.151.040.948	96.220.816.919
1. Tiền	111		272.451.040.948	68.520.816.919
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.700.000.000	27.700.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		660.795.534.803	363.818.140.959
1. Phải thu khách hàng	131		305.606.196.434	362.623.392.259
2. Trả trước cho người bán	132		11.491.074.573	6.537.026.452
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		349.467.201.641	-
4. xây dựng				
5. Các khoản phải thu khác	135	6.2	1.159.911.093	685.229.613
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.928.848.938)	(6.027.507.365)
IV- Hàng tồn kho	140		113.466.360.543	240.071.870.639
1. Hàng tồn kho	141	6.3	113.466.360.543	240.071.870.639
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		28.454.976.639	17.762.146.297
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.4	1.292.226.225	1.604.127.802
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	6.5	866.023.921	11.134.803.074
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	6.5	551.745.556	33.123.631
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.6	25.744.980.937	4.990.091.790
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		426.245.183.069	516.395.906.609
(200 = 210+220+240+250+260)				
II- Tài sản cố định	220		265.859.724.125	484.010.423.919
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.7	131.704.868.844	344.613.536.757
- Nguyên giá	222		224.235.396.078	496.857.576.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(92.530.527.234)	(152.244.039.389)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	6.8	71.930.672.248	65.480.863.435
- Nguyên giá	225		91.176.280.777	74.475.362.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(19.245.608.529)	(8.994.499.387)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.9	23.831.160.832	34.889.988.713
- Nguyên giá	228		26.269.091.609	38.103.323.201
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.437.930.777)	(3.213.334.488)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.10	38.393.022.201	39.026.035.014
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		148.834.098.551	7.122.222.217
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6.11	140.502.458.551	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.12	8.331.640.000	7.122.222.217
V- Tài sản dài hạn khác	260		11.551.360.393	24.888.260.473
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.13	8.729.023.509	18.601.471.333
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		430.061.996	3.926.921.888
3. Tài sản dài hạn khác	268	6.14	2.392.274.888	2.359.867.252
VI Lợi thế thương mại	269		-	375.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.594.236.992.002	1.234.268.881.423

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 -DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		895.668.987.527	748.108.665.019
I- Nợ ngắn hạn	310		848.944.461.969	579.276.474.029
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.15	181.460.902.255	229.086.346.473
2. Phải trả người bán	312		352.455.051.224	260.922.618.707
3. Người mua trả tiền trước	313		59.217.873.277	4.293.650.389
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.16	51.311.149.453	66.488.506.326
5. Phải trả người lao động	315		9.575.577.100	9.874.236.576
6. Chi phí phải trả	316	6.17	171.986.020.643	1.097.967.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.18	675.693.585	1.015.768.869
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.146.703.019	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		21.115.491.413	6.497.379.689
II- Nợ dài hạn	330		46.724.525.558	168.832.190.990
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.19	40.592.978.835	168.832.190.990
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		6.131.546.723	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		616.518.108.144	364.266.292.458
I- Vốn chủ sở hữu	410	6.20	616.518.108.144	364.266.292.458
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		397.591.180.000	138.051.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.538.983.821	35.604.060.321
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.157.778.716	18.876.706.667
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.478.889.358	9.438.353.334
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		137.751.276.249	162.295.552.136
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ	439		82.049.896.331	121.893.923.946
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		1.594.236.992.002	1.234.268.881.423

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	TM	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại (USD)		106.513,41	27.885,14

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Đỗ Xuân Hòa

Kế toán trưởng

Phạm Duy Cường

Tổng Giám đốc



Phạm Việt Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.21	1.204.727.195.590	1.007.994.977.757
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.21	1.692.000	1.096.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.21	1.204.725.503.590	1.007.993.881.757
4. Giá vốn hàng bán	11	6.22	1.000.609.829.361	745.681.973.689
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		204.115.674.229	262.311.908.068
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.23	12.950.035.658	5.293.785.000
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	6.24	20.764.853.958	46.529.921.059
8. Chi phí bán hàng	23		18.157.221.550	35.473.520.585
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		50.887.082.815	58.227.118.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		134.869.461.879	127.819.579.992
11. Thu nhập khác	31	6.25	25.491.970.760	12.789.048.616
12. Chi phí khác	32	6.25	23.431.278.870	12.730.365.069
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.060.691.890	58.683.547
14. Phân lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		12.627.458.551	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		149.557.612.320	127.878.263.539
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.26	26.532.944.649	31.702.080.206
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.164.355.570	(3.926.921.888)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		116.860.312.101	100.103.105.221
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		14.528.127.542	5.572.839.723
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		102.332.184.559	94.530.265.498
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.27	4.694	5.756

Người lập biểu

Đỗ Xuân Hòa

Kế toán trưởng

Phạm Duy Cường

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Phạm Việt Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	1	MS 2	Năm 2013	Năm 2012
			VND 3	VND 4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	149.557.612.320	127.878.263.539	
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	38.265.751.659	56.312.972.581	
- Các khoản dự phòng	03	901.341.573	2.068.062.588	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.892.595.931	6.449.755.961	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.924.163.361)	(6.990.588.810)	
- Chi phí lãi vay	06	18.157.221.550	35.473.520.585	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	193.850.359.672	221.191.986.444	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(428.133.936.673)	(176.165.275.157)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	72.066.159.163	7.763.465.730	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	338.518.080.250	72.208.544.713	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	503.159.463	(6.760.289.014)	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(18.157.221.550)	(35.473.520.585)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(23.343.159.027)	(99.227.628)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.070.356.000	3.066.817.736	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.285.252.612)	(8.014.500.710)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	131.088.544.686	76.818.001.529	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(62.478.216.294)	(151.148.455.710)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	25.414.300.443	7.592.588.568	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.154.882.000)	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.030.986.000	61.111.115	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(31.331.640.000)	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.065.000.000	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.766.672.088	5.192.891.496	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54.687.779.763)	(138.301.864.531)	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU 1	MS 2	Năm 2013		Năm 2012
		VND 3	VND 4	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	200.974.073.500	28.069.762.321	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(2.291.080)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	393.836.318.577	494.334.207.713	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(366.673.256.064)	(452.240.642.522)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(23.106.656.016)	(19.366.100.784)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.649.608.100)	(6.750.000.000)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	189.380.871.897	44.044.935.648	
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	265.781.636.820	(17.438.927.354)	
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	96.220.816.919	113.457.420.546	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.851.412.791)	202.323.727	
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	360.151.040.948	96.220.816.919	

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Đỗ Xuân Hòa

Kế toán trưởng

Phạm Duy Cường



Phạm Việt Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599 và lần thứ 14 ngày 18 tháng 10 năm 2013 về việc tăng vốn điều lệ lên 397.591.180.000 đồng.

Các Công ty con là:

- Công ty TNHH Xử lý Nền đất yếu FECON - Shanghai Harbour hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000246 ngày 25 tháng 09 năm 2009 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp. Trong đó, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm FECON góp 2.550.000 USD (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ), chiếm 51% vốn điều lệ, góp bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, văn phòng; Các cổ đông khác góp 2.450.000 USD (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ), chiếm 49% vốn điều lệ, góp bằng tiền mặt và máy móc thiết bị.
- Công ty TNHH Đầu tư FECON hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700.222.128 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 4 năm 2004, thay đổi lần thứ 1, thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 12 năm 2010 thay đổi về ngành nghề kinh doanh và đổi tên Công ty. Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đến ngày 29/12/2013, Công ty đã thực hiện thanh lý cho Công ty Cổ phần Khoáng Sản FECON.
- Công ty Cổ phần FECON MILTEC hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 502032000190 ngày 21/11/2011 của Ban Quản lý khu kinh tế Tịnh Long An. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON nắm giữ 50% vốn điều lệ và có quyền kiểm soát, chi phối doanh nghiệp. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013 là 20.868.955.772 đồng.
- Viện Nền móng và Công trình ngầm được thành lập theo Quyết định số 090905/QĐ/HĐQT-FECON ngày 01 tháng 10 năm 2009 và được Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 262/DK-KH&CN lần đầu ngày 19/01/2010; thay đổi đăng ký lần thứ ba (03) ngày 18/05/2011, thay đổi đăng ký lần thứ năm (05) ngày 01/10/2012. Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ. Vốn điều lệ của Viện là 26.000.000.000 đồng.
- Trường THPT Ý Yên chuyển đổi từ Trường phổ thông dân lập (thành lập theo Quyết định số 995/1998/QĐ-UB ngày 28 tháng 07 năm 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định) thành Trường Trung học phổ thông tư thực theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.

Địa chỉ đăng ký: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi; Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị; Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA); Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT); Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thùy văn công trình; Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Sản xuất và buôn bán các loại cấu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm; Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng; Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Dịch vụ kho vận; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các thay đổi trong chính sách kế toán

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán so với kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng giao dịch thanh toán. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có số dư gốc ngoại tệ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Thuê tài sản

Một tài sản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Cụ thể, máy móc, thiết bị thời gian sử dụng từ 5 đến 8 năm

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất thuê bao gồm: Giá trị quyền sử dụng văn phòng tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm của Công ty và phần mềm máy tính. Giá trị Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 48 năm và 25 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 3 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm. Tiền thuê văn phòng tháp CEO và chi phí mua quyền sử dụng đất Cụm công nghiệp Thị Sơn.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng Xây dựng

Doanh thu và chi phí của Hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến Hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện Hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu Hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của Hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	42.725.769.306	27.155.223.263
Tiền gửi Ngân hàng	229.725.271.642	41.365.593.656
Các khoản tương đương tiền	87.700.000.000	27.700.000.000
Tổng	360.151.040.948	96.220.816.919

6.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về tiền Bảo hiểm	9.113.461	-
Phải thu khác	150.797.632	171.464.463
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế CHALEASE	-	513.765.150
Công ty Cổ phần FECON Holdings	1.000.000.000	-
Tổng	1.159.911.093	685.229.613

6.3 Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.762.709.981	45.511.970.456
Công cụ, dụng cụ	35.482.312	2.803.197.039
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	100.205.342.866	167.104.830.584
Thành phẩm	1.313.192.743	24.204.044.613
Hàng hoá	-	447.827.947
Hàng gửi đi bán	149.632.641	-
Tổng	113.466.360.543	240.071.870.639

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2013	
	VND	
Tại ngày 01 tháng 01	1.604.127.802	
Tăng	4.507.436.846	
Phân bổ vào chi phí trong năm	4.220.968.465	
Giảm khác	598.369.958	
Tại ngày 31 tháng 12	1.292.226.225	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	376.128.376	1.251.643.132
Chi phí Quảng cáo	99.900.000	163.348.493
Chi phí bảo hiểm	183.749.564	46.459.519
Sửa chữa văn phòng	50.481.025	4.899.035
Chi phí mua phần mềm	44.458.333	3.208.333
Chi phí sửa chữa xe, máy móc	10.995.577	23.632.778
Phí đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	-	32.000.000
Chi phí bảo hộ	81.593.283	-
Chi phí thuê văn phòng, Phòng thí nghiệm	327.338.000	29.436.512
Chi phí đào tạo ISO	-	49.500.000
Chi phí khác	117.582.067	-
Tổng	1.292.226.225	1.604.127.802

6.5 Thuế GTGT được khấu trừ, Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	548.745.556	33.123.631
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	866.023.921	11.134.803.074
Các khoản phải thu Nhà nước	3.000.000	-
Tổng	1.417.769.477	11.167.926.705

6.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	25.685.580.937	4.932.691.790
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	59.400.000	57.400.000
Tổng	25.744.980.937	4.990.091.790

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VNĐ							
		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phurom tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2013	94.068.147.902	335.002.892.987	60.759.489.973	1.892.259.392	5.134.785.892	496.857.576.146	
Tăng trong năm	333.675.181	31.553.236.769	2.659.912.728	144.969.090	2.979.593.713	37.671.387.481	
Mua trong năm	-	31.177.354.154	2.659.912.728	144.969.090	2.964.937.657	36.947.173.629	
Dầu từ XDCCB hoàn thành	333.675.181	375.882.615	-	-	14.656.056	724.213.852	
Giảm trong năm	82.539.938.519	177.186.825.420	46.902.444.242	1.681.684.473	1.982.674.895	310.293.567.549	
Giảm khác (Giảm theo TT45)	186.024.679	3.987.711.357	168.554.542	1.358.864.699	785.367.150	6.486.522.427	
Thanh lý, nhượng bán	-	20.754.174.351	332.287.273	-	-	21.086.461.624	
Giảm khác	82.353.913.840	152.444.939.712	46.401.602.427	322.819.774	1.197.307.745	282.720.583.498	
Số dư tại 31/12/2013	11.861.884.564	189.369.304.336	16.516.958.459	355.544.009	6.131.704.710	224.235.396.078	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2013	18.691.202.757	112.493.931.195	18.666.070.840	1.122.828.538	-	1.270.006.059	152.244.039.389
Tăng trong năm	631.844.577	22.696.489.712	2.509.557.150	210.815.348	717.601.299	26.766.308.086	
Khấu hao trong năm	631.844.577	22.696.489.712	2.509.557.150	210.815.348	717.601.299	26.766.308.086	
Giảm trong năm	15.408.703.632	57.479.622.881	11.956.140.337	979.112.057	656.241.334	86.479.820.241	
Thanh lý, nhượng bán	-	244.733.267	332.287.273	-	-	577.020.540	
Giảm khác (Giảm theo TT45)	152.756.114	1.489.263.930	36.469.149	857.813.447	212.014.238	2.748.316.878	
Giảm khác	15.255.947.518	55.745.625.684	11.587.383.915	121.298.610	444.227.096	83.154.482.823	
Số dư tại 31/12/2013	3.914.343.702	77.710.798.026	9.219.487.653	354.531.829	1.331.366.024	92.530.527.234	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2013	75.376.945.145	222.508.961.792	42.093.419.133	769.430.854	3.864.779.833	344.613.536.757	
Tại 31/12/2013	7.947.540.862	111.658.506.310	7.297.470.806	1.012.180	4.800.338.686	131.704.868.844	
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản có định hữu hình đã dùng thê chấp, cầm cố các khoản vay:						72.983.880.544	
Nguyên giá tài sản có định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						26.908.422.015	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.8 Tài sản cố định thuê tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	Máy móc, thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2013		74.475.362.822	74.475.362.822
Tăng trong năm		24.333.255.897	24.333.255.897
Thuê tài chính trong năm		24.333.255.897	24.333.255.897
Giảm trong năm		7.632.337.942	7.632.337.942
Giảm khác		7.632.337.942	7.632.337.942
Số dư tại 31/12/2013		<u>91.176.280.777</u>	<u>91.176.280.777</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2013		8.994.499.387	8.994.499.387
Tăng trong năm		10.699.346.579	10.699.346.579
Khäu hao trong năm		10.699.346.579	10.699.346.579
Giảm trong năm		448.237.437	448.237.437
Giảm khác		448.237.437	448.237.437
Số dư tại 31/12/2013		<u>19.245.608.529</u>	<u>19.245.608.529</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2013		65.480.863.435	65.480.863.435
Tại 31/12/2013		<u>71.930.672.248</u>	<u>71.930.672.248</u>

6.9 Tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2013	37.417.450.492	437.484.952	248.387.757	38.103.323.201	
Tăng trong năm	-	75.000.000	282.340.000	357.340.000	
Mua trong năm	-	75.000.000	282.340.000	357.340.000	
Giảm trong năm	11.965.239.592	211.332.000	15.000.000	12.191.571.592	
Giảm khác (Giảm theo TT45)		55.936.000	15.000.000	70.936.000	
Thanh lý, nhượng bán	3.584.509.483	-		-	3.584.509.483
Giảm khác	8.380.730.109	155.396.000		-	8.536.126.109
Số dư tại 31/12/2013	<u>25.452.210.900</u>	<u>301.152.952</u>	<u>515.727.757</u>	<u>26.269.091.609</u>	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2013	2.731.240.252	247.714.131	234.380.105	3.213.334.488	
Tăng trong năm	637.167.719	116.815.671	46.113.604	800.096.994	
Khäu hao trong năm	637.167.719	116.815.671	46.113.604	800.096.994	
Giảm trong năm	1.435.341.661	125.159.044	15.000.000	1.575.500.705	
Giảm khác (Giảm theo TT45)		46.463.780	15.000.000	61.463.780	
Thanh lý, nhượng bán	837.141.397	-		-	837.141.397
Giảm khác	598.200.264	78.695.264		-	676.895.528
Số dư tại 31/12/2013	<u>1.933.066.310</u>	<u>239.370.758</u>	<u>265.493.709</u>	<u>2.437.930.777</u>	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	34.686.210.240	189.770.821	14.007.652	34.889.988.713	
Tại 31/12/2013	<u>23.519.144.590</u>	<u>61.782.194</u>	<u>250.234.048</u>	<u>23.831.160.832</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	39.026.035.014
Tăng	2.162.724.875
- <i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	724.213.852
- <i>Giảm khác</i>	2.071.523.836
Tại ngày 31 tháng 12	38.393.022.201

Chi tiết theo công trình

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công trình TTTM Ngũ Động Sơn	-	233.298.944
Chi phí san lấp mặt bằng - Xây dựng nhà học sinh	159.525.000	463.322.000
Chi phí gia công máy thi công cát	88.658.339	169.919.152
Chi phí đầu tư Sàn Mipec Tây Sơn	38.144.838.862	38.144.838.862
Chi phí gia công thùng trộn dung dịch khoan bê tông	-	14.656.056
Tổng	38.393.022.201	39.026.035.014

6.11 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	9.750.000	110.894.040.190	-	-
Công ty Cổ phần Fecon Nghi Sơn	3.000.000	29.608.418.361	-	-
Tổng	12.750.000	140.502.458.551	-	-

Thông tin về công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn		
			điều lệ (Tr đồng)	Vốn đã góp (Tr đồng)	Tỷ lệ phần số hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Hà Nam	268.000	268.000	36,52%
2	Công ty Cổ phần Fecon Nghi Sơn	Thanh Hóa	100.000	83.500	30%

6.12 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	122.222.217
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hải Đăng	1.331.640.000	-
Tổng	8.331.640.000	7.122.222.217

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.13 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2013
	VND
Tại ngày 01 tháng 01	18.601.471.333
Tăng	5.316.065.142
Phân bổ vào chi phí trong năm	3.520.994.781
Giảm khác	11.667.518.185
Tại ngày 31 tháng 12	8.729.023.509
	31/12/2013
	VND
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	3.316.520.231
Chi phí tư vấn	-
Chi phí quảng cáo	364.174.613
Chi phí thuê đất cụm công nghiệp	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	132.220.554
Tiền thuê văn phòng	4.909.337.942
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-
Chi phí khác	6.770.169
Tổng	8.729.023.509
	01/01/2013
	VND
	6.249.474.772
	1.842.322.500
	2.336.697.043
	-
	5.024.851.778
	3.132.624.045
	15.501.195
	18.601.471.333

6.14 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013
	VND
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.713.556.680
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	50.000.000
Công ty Cổ phần Long Hậu	628.718.208
Tổng	2.392.274.888
	01/01/2013
	VND
	1.313.556.680
	417.592.364
	628.718.208
	2.359.867.252

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.15 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đông Đô	67.500.000.000	56.660.738.797
- Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm	66.022.660.672	77.851.374.011
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	29.094.242.760
- CN Hoàn Kiếm	-	-
- Ngân hàng BIDV - CN Hà Nam	-	10.249.645.457
- Công ty Shanghai Harbour Brunei	47.938.241.583	47.290.273.888
- Vay Cá nhân	-	7.940.071.560
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Tổng	181.460.902.255	229.086.346.473

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 132625.2012/HĐTDHM ngày 23/5/2013. Mục đích vay: Thanh toán tiền hàng.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐCTD/13055 ngày 17/6/2013. Tổng hạn mức cấp tín dụng của Hợp đồng là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Lãi suất thay đổi tùy theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Thanh toán tiền hàng.

6.16 Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.947.483.853	12.915.230.443
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	160.214.844
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.251.007.270	48.187.529.939
Thuế thu nhập cá nhân	112.658.330	2.458.500.900
Thuế tài nguyên	-	62.400
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.766.967.800
Tổng	51.311.149.453	66.488.506.326

6.17 Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trích trước chi phí các công trình	171.986.020.643	1.097.967.000
Tổng	171.986.020.643	1.097.967.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	78.332.175	4.427.150
Bảo hiểm xã hội	99.132.985	100.514.342
Bảo hiểm y tế	-	21.753.486
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.834.760
Các khoản phải trả, phải nộp khác	498.228.425	886.239.131
<i>Tiền cỗ tức năm 2012 cỗ đồng chưa nhận</i>	<i>280.155.000</i>	<i>-</i>
<i>Dư có tạm ứng</i>	<i>114.297.154</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>103.776.271</i>	<i>886.239.131</i>
Tổng	675.693.585	1.015.768.869

6.19 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng		
- Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm	8.293.254.000	134.560.627.927
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long	4.750.000.000	113.632.222.545
- Ngân hàng BIDV - CN Hà Nam	3.543.254.000	4.633.486.000
Nợ dài hạn		
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	32.299.724.835	34.271.563.063
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	30.533.603.197	25.741.248.752
	1.766.121.638	8.530.314.311
Tổng	40.592.978.835	168.832.190.990

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số HKI-HĐTD/10099 ngày 26/12/2010. Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị sản xuất kinh doanh; thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiền gửi cá nhân 12 tháng cộng biên độ 2,8%/năm, cụ thể theo từng khé ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 04.04.HĐTD2012/NT_FECON ngày 06/4/2012. Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký HĐ là 18%/năm, cụ thể theo từng khé ước nhận nợ. Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.20 Vốn chủ sở hữu

a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	128.400.000.000	25.002.820.000	(2.731.148.536)	8.996.449.719	4.498.224.860	97.839.184.934	262.005.530.977
Tăng trong năm	9.651.620.000	10.601.240.321	10.627.983.126	9.880.256.948	4.940.128.474	96.489.469.124	142.190.697.993
Tăng vốn	9.651.620.000	10.601.240.321	-	9.880.256.948	4.940.128.474	-	20.252.860.321
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	9.880.256.948	4.940.128.474	-	14.820.385.422
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	94.530.265.498	94.530.265.498
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.959.203.626	1.959.203.626
Đánh giá lại tỷ giá	-	-	10.627.983.126	-	-	-	10.627.983.126
Giảm trong năm	-	-	7.896.834.590	-	-	32.033.101.922	39.929.936.512
Giảm khác	-	-	-	-	-	32.033.101.922	32.033.101.922
Đánh giá lại tỷ giá	-	-	7.896.834.590	-	-	-	7.896.834.590
Số dư tại 31/12/2012	138.051.620.000	35.604.060.321	-	18.876.706.667	9.438.353.334	162.295.552.136	364.266.292.458
Số dư tại 01/01/2013	138.051.620.000	35.604.060.321	-	18.876.706.667	9.438.353.334	162.295.552.136	364.266.292.458
Tăng trong năm	259.539.560.000	2.176.523.500	-	17.677.957.579	8.838.978.789	102.332.184.559	390.565.204.427
Tăng vốn - Lợi nhuận	60.742.010.000	2.176.523.500	-	-	-	-	60.742.010.000
Tăng vốn	198.797.550.000	2.176.523.500	-	-	-	-	200.974.073.500
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	17.677.957.579	8.838.978.789	102.332.184.559	102.332.184.559
Trích các quỹ	-	-	-	1.396.885.530	6.798.442.765	-	26.516.936.368
Giảm trong năm	-	3.241.600.000	-	-	-	126.876.460.446	138.313.388.741
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	44.194.893.945	44.194.893.945
Chia cổ tức - Cổ phiếu	-	-	-	-	-	60.742.010.000	60.742.010.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	15.929.763.100	15.929.763.100
Giảm khác	-	3.241.600.000	-	1.396.885.530	698.442.765	-	5.336.928.295
Các khoản chi khác	-	-	-	-	6.100.000.000	5.309.152.375	11.409.152.375
Tiền thù lao	-	-	-	-	-	700.641.026	700.641.026
Số dư tại 31/12/2013	397.591.180.000	34.538.983.821	-	35.157.778.716	11.478.889.358	137.751.276.249	616.518.108.144

MẪU B09 - DN/HN

Đơn vị tính: VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.21 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa	184.796.658.283	22.023.067.374
Doanh thu bán thành phẩm	6.993.045.000	15.422.922.310
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.022.643.805	5.116.340.438
Doanh thu hoạt động đào tạo	2.808.002.000	2.696.673.500
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.007.106.846.502	962.735.974.135
Tổng	1.204.727.195.590	1.007.994.977.757
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.692.000	1.096.000
Giảm trừ học phí của học sinh	1.692.000	1.096.000
Tổng	1.204.725.503.590	1.007.993.881.757

6.22 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	124.425.758.227	22.023.067.374
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.757.925.611	12.817.834.546
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.206.925.228	2.607.534.659
Giá vốn hoạt động đào tạo	2.130.312.289	2.292.060.227
Giá vốn của hoạt động xây lắp	866.088.908.006	705.941.476.883
Tổng	1.000.609.829.361	745.681.973.689

6.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.016.672.088	5.192.891.496
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	664.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.750.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	182.017.588	94.025.572
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.345.982	6.203.732
Tổng	12.950.035.658	5.293.785.000

6.24 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	14.230.676.339	35.473.520.585
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	440.849.121	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	255.042.726	4.524.772.791
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.892.595.931	3.197.353.266
Chi phí tài chính khác	19.144.630	-
Lãi thuê tài chính	3.926.545.211	3.334.274.417
Tổng	20.764.853.958	46.529.921.059

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.25 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	25.414.300.443	12.614.789.128
Thu chuyển nhượng cổ phần	-	49.761.620
Xử lý công nợ	16	1.245
Thu nhập từ bán phế liệu, sản phẩm lỗi thời	1.240.000	63.353.378
Các khoản khác	76.430.301	61.143.245
Tổng	25.491.970.760	12.789.048.616
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	23.256.809.170	12.314.094.289
Chi phí nộp phạt thuế	-	169.559.746
Chi phí bán phế liệu hàng lỗi	-	171.210.202
Chi phí khác	174.469.700	75.500.270
Xử lý công nợ	-	562
Tổng	23.431.278.870	12.730.365.069
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	2.060.691.890	58.683.547

6.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
	26.532.944.649	31.702.080.206
Tổng	26.532.944.649	31.702.080.206

6.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	116.860.312.101	100.103.105.221
Lợi ích của cổ đông thiểu số	14.528.127.542	5.572.839.723
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	102.332.184.559	94.530.265.498
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21.802.453	16.423.537
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.694	5.756

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	522.362.217.538	547.883.889.118
Chi phí nhân công	92.475.744.452	79.456.282.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.265.751.659	60.149.041.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.062.453.984	320.575.526.566
Chi phí khác bằng tiền	39.536.020.840	62.324.406.702
Chi phí dự phòng	901.341.573	-
Tổng	911.603.530.046	1.070.389.146.842

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	Lương và các khoản phụ cấp	4.080.775.004	3.262.563.053
Tổng		4.080.775.004	3.262.563.053

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu		-	1.142.107.852
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty con	-	1.142.107.852
Phải trả		148.543.145.523	98.342.216.959
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	148.543.145.523	85.914.152.443
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (Phải trả khác)	Công ty liên kết	-	12.428.064.516
Giao dịch với các bên liên quan			

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Các giao dịch mua hàng			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	437.106.621.143	246.098.234.635
Tổng		437.106.621.143	246.098.234.635
Các giao dịch bán hàng			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	69.218.733.739	24.480.277.130
Tổng		69.218.733.739	24.480.277.130
Tiền cổ tức			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (Chuyển nhượng vốn góp)	Công ty liên kết	9.750.000.000	8.250.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (Mua căn hộ)	Công ty liên kết	3.900.000.000	-
Tổng		17.295.000.000	8.250.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

7.2 Báo cáo bộ phận

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là xây dựng, hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác do bộ phận hoạt động sản xuất kinh doanh chính kết hợp thực hiện, không có bộ phận bán hàng và cán bộ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.15 và 6.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	360.151.040.948	96.220.816.919
Phải thu khách hàng (ngắn + dài hạn)	305.606.196.434	362.623.392.259
Phải thu khác (ngắn + dài hạn)	1.159.911.093	685.229.613
Đầu tư tài chính dài hạn	148.834.098.551	7.122.222.217
Cộng	815.751.247.026	466.651.661.008
Công nợ tài chính		
Các khoản vay nợ (ngắn + dài hạn)	222.053.881.090	397.918.537.463
Phải trả người bán (ngắn + dài hạn)	352.455.051.224	260.922.618.707
Phải trả khác (ngắn + dài hạn)	675.693.585	1.015.768.869
Chi phí phải trả	171.986.020.643	1.097.967.000
Cộng	747.170.646.542	660.954.892.039

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá của công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc giữa niên độ kế toán, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ thuộc giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay và nợ	181.460.902.255	40.592.978.835	222.053.881.090	
Phải trả người bán và phải trả khác	353.130.744.809	-	353.130.744.809	
Chi phí phải trả	171.986.020.643	-	171.986.020.643	
Tổng	706.577.667.707	40.592.978.835	747.170.646.542	
	01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay và nợ	181.460.902.255	168.832.190.990	350.293.093.245	
Phải trả người bán và phải trả khác	353.130.744.809	-	353.130.744.809	
Chi phí phải trả	171.986.020.643	-	171.986.020.643	
Tổng	706.577.667.707	168.832.190.990	875.409.858.697	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	360.151.040.948	-	360.151.040.948
Các khoản đầu tư	148.834.098.551	148.834.098.551	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	278.995.445.257	27.770.662.270	306.766.107.527
Tài sản tài chính khác	-	2.392.274.888	2.392.274.888
Tổng	639.146.486.205	178.997.035.709	818.143.521.914
01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.220.816.919	-	96.220.816.919
Các khoản đầu tư	-	7.122.222.217	7.122.222.217
Phải thu khách hàng và phải thu khác	339.505.985.840	23.802.636.032	363.308.621.872
Tài sản tài chính khác	-	2.359.867.252	2.359.867.252
Tổng	435.726.802.759	33.284.725.501	469.011.528.260

7.4 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K.

Người lập biểu

Đỗ Xuân Hòa

Kế toán trưởng

Phạm Duy Cường

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Phạm Việt Khoa